TEST REPORT/ *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

I. CUSTOMER INFORMATION/ *THÔNG TIN KHÁCH HÀNG*:

Customer name *(Tên khách hàng)*	:	HỘ KINH DOANH NGUYỄN NGỌC ANH 1997
Address *(Địa chỉ)*	:	Thôn Vườn, Xã Mỹ Thái, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ *THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:*

JOB No. *(Số phiếu yêu cầu phân tích)*	:	YC15177021
Information provided by Customer *(Thông tin được khách hàng cung cấp)*	:	Thịt gà sấy khô hương vị bò
Sample description *(Mô tả mẫu)*	:	Mẫu chứa trong túi kín còn nguyên vẹn
Seal No *(Số niêm)*	:	Không niêm
Source of sample *(Nguồn mẫu)*	:	Khách hàng gởi mẫu
Sampling on *(Ngày lấy mẫu)*	:	-
Sample received on *(Ngày nhận mẫu)*	:	07/05/2026
Sample tested on *(Ngày phân tích)*	:	07/05/2026
Report date *(Ngày trả kết quả)*	:	18/05/2026

TESTING RESULTS/ *KẾT QUẢ* *(See next page/ Xem trang sau)*

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO/IEC 17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
6. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/sample unit/ *Không phát hiện/đơn vị mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
7. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions. NHO only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO. NHO chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả*
8. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Lê Văn Hùng

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801287028 P.HƯNG PHÚ - TP.CẦN THƠ

Hoàng Đức Cát

TEST REPORT/ *PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM*

TESTING RESULTS/ *KẾT QUẢ*				
Sample code/ *Mã mẫu:*	**YC15177021/2**			
Sample name/ *Tên mẫu:*	Thịt gà sấy khô hương vị bò			
Information provided by Customer/ *(Thông tin được khách hàng cung cấp)*	Thịt gà sấy khô hương vị bò			
Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*
Định lượng E.coli dương tính beta-glucuronidaza(1)	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	CFU/g	/	<10
Phát hiện Salmonella spp.(1)	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50=3 CFU/25g	ND
Định lượng vi sinh vật hiếu khí (TPC) ở 30°C	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/g	/	1.1x10^3
Cadimi (Cd)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	ND
Natri (Na)(1)	MKL-HH536 Ref. TCVN 10916: 2015	mg/100g	0.500	1 604
Chì (Pb)(1)	AOAC 999.11	mg/kg	0.016	0.020<LOQ(0.050)
Tetracycline(1)	MKL-HH605 Ref. ORIENTAL JOURNAL OF CHEMISTRY India; 2017. Tokyo Metropolitan Institute of Public Health	µg/kg	2.00	ND
Năng lượng(1)(*)	NAFI6/H-1.21 (Ref. FAO food and nutrition paper 77; food energy - methods of analysis and conversion factors; ISSN 0254-4725)	kcal/100g	/	362.97
Protein (đạm)(1)(*)	NMKL 6:2003	g/100g	/	26.35
Carbohydrate (không bao gồm xơ)(1)(*)	NAFI6/H-1.21 (Ref. FAO food and nutrition paper 77; food energy - methods of analysis and conversion factors; ISSN 0254-4725)	g/100g	/	43.58
Chất béo(1)(*)	NAFI6/H-1.6 (Ref. NMKL 131:1989)	g/100g	/	9.25